UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1984 /QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 241 suất đất tại khu dân cư mới, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc giao đất cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám;

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 241 suất đất tại khu dân cư mới, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 396/TTr-KT ngày 04/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 241 suất đất tại khu dân cư mới, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Đấu giá 81 suất đất Khu (A+ B+ G):

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ (4,95ha)	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)
I	**KHU A (16 suất)**	**1.598,00**		
1	LK 01	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
2	LK 02	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
3	LK 03	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
4	LK 04	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
5	LK 05	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
6	LK 06	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
7	LK 07	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
8	LK 08	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
9	LK 09	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
10	LK 10	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
11	LK 11	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000

12	LK 12	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
13	LK 13	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
14	LK 14	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
15	LK 15	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
16	LK 16	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
II	**KHU B (20 suất)**	**2.039,10**		
17	LK 17	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
18	LK 18	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
19	LK 19	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
20	LK 20	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
21	LK 21	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
22	LK 22	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
23	LK 23	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
24	LK 24	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
25	LK 25	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
26	LK 26	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000

27	LK 27	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
28	LK 28	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
29	LK 29	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
30	LK 30	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
31	LK 31	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
32	LK 32	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
33	LK 33	100,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
34	LK 34	98,30	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000
35	LK 35	89,95	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000
36	LK 36	152,85	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 22,7 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
III	**KHU G (45 suất)**	**5.321,90**		
37	LK 197	170,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
38	LK 198	94,30	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
39	LK 199	102,90	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000

40	LK 200	111,50	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
41	LK 201	120,15	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
42	LK 202	124,70	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
43	LK 203	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
44	LK 204	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
45	LK 205	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
46	LK 206	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
47	LK 207	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
48	LK 208	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
49	LK 209	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
50	LK 210	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng từ 20,5m đến 26,9 m	25.000.000
51	LK 211	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 11,0 m	28.750.000
52	LK 212	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
53	LK 213	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
54	LK 214	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000

55	LK 215	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
56	LK 216	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
57	LK 217	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
58	LK 218	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
59	LK 219	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5m	25.000.000
60	LK 220	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
61	LK 221	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
62	LK 222	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
63	LK 223	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
64	LK 224	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
65	LK 225	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
66	LK 226	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
67	LK 227	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
68	LK 228	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
69	LK 229	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
70	LK 230	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
71	LK 231	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
72	LK 232	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

73	LK 233	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
74	LK 234	125,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
75	LK 235	137,50	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
76	LK 236	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
77	LK 237	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
78	LK 238	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
79	LK 239	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
80	LK 240	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
81	LK 241	216,85	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 26,9 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
TỔNG CỘNG		**8.959,00**		

+ Đợt 2: Đấu giá 80 suất đất Khu (C+ E):

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ (4,95ha)	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)
I	**KHU C (34 suất)**	**3.392,00**		
1	LK 37	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 4,0 m	27.500.000
2	LK 38	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

3	LK 39	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
4	LK 40	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
5	LK 41	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
6	LK 42	100,00	Vị trí góc, tiếp giáp hai mặt đường, có mặt cắt rộng 15,5 m	25.000.000
7	LK 43	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
8	LK 44	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
9	LK 45	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
10	LK 46	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
11	LK 47	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
12	LK 48	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
13	LK 49	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
14	LK 50	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
15	LK 51	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
16	LK 52	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
17	LK 53	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
18	LK 54	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 4,0 m	27.500.000
19	LK 55	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
20	LK 56	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000

21	LK 57	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
22	LK 58	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
23	LK 59	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
24	LK 60	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
25	LK 61	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
26	LK 62	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
27	LK 63	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
28	LK 64	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
29	LK 65	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
30	LK 66	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
31	LK 67	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
32	LK 68	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
33	LK 69	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
34	LK 70	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
II	**KHU E (46 suất)**	**4.612,00**		
35	LK 105	110,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
36	LK 106	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

37	LK 107	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
38	LK 108	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
39	LK 109	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
40	LK 110	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
41	LK 111	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
42	LK 112	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
43	LK 113	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
44	LK 114	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
45	LK 115	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
46	LK 116	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
47	LK 117	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
48	LK 118	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
49	LK 119	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
50	LK 120	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
51	LK 121	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

52	LK 122	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
53	LK 123	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
54	LK 124	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
55	LK 125	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
56	LK 126	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
57	LK 127	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
58	LK 128	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
59	LK 129	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
60	LK 130	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
61	LK 131	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
62	LK 132	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
63	LK 133	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
64	LK 134	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
65	LK 135	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
66	LK 136	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

67	LK 137	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
68	LK 138	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
69	LK 139	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
70	LK 140	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
71	LK 141	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
72	LK 142	110,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
73	LK 143	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
74	LK 144	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
75	LK 145	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
76	LK 146	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
77	LK 147	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
78	LK 148	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
79	LK 149	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
80	LK 150	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
TỔNG CỘNG		**8.004,00**		

+ Đợt 3: Đấu giá 80 suất đất Khu (D+ F):

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ (4,95ha)	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)
I	**KHU D (34 suất)**	**3.437,45**		
1	LK 71	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
2	LK 72	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
3	LK 73	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
4	LK 74	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
5	LK 75	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
6	LK 76	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
7	LK 77	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
8	LK 78	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
9	LK 79	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
10	LK 80	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
11	LK 81	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
12	LK 82	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000
13	LK 83	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 20,5 m	25.000.000

14	LK 84	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
15	LK 85	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
16	LK 86	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
17	LK 87	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
18	LK 88	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
19	LK 89	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
20	LK 90	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
21	LK 91	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
22	LK 92	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
23	LK 93	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
24	LK 94	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
25	LK 95	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
26	LK 96	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
27	LK 97	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
28	LK 98	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
29	LK 99	109,50	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 22,7 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
30	LK 100	102,60	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000
31	LK 101	93,80	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000

32	LK 102	85,05	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000
33	LK 103	104,30	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 22,7 m	25.000.000
34	LK 104	146,20	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 22,7 m, một mặt có mặt cắt rộng 20,5m	28.750.000
II	**KHU F (46 suất)**	**4.612,00**		
35	LK 151	110,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
36	LK 152	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
37	LK 153	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
38	LK 154	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
39	LK 155	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
40	LK 156	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
41	LK 157	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
42	LK 158	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
43	LK 159	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
44	LK 160	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
45	LK 161	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
46	LK 162	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

47	LK 163	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
48	LK 164	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
49	LK 165	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
50	LK 166	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
51	LK 167	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
52	LK 168	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
53	LK 169	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
54	LK 170	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
55	LK 171	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
56	LK 172	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
57	LK 173	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 20,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
58	LK 174	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
59	LK 175	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
60	LK 176	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
61	LK 177	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
62	LK 178	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
63	LK 179	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000

64	LK 180	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
65	LK 181	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
66	LK 182	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
67	LK 183	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
68	LK 184	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
69	LK 185	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
70	LK 186	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
71	LK 187	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
72	LK 188	110,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
73	LK 189	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
74	LK 190	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
75	LK 191	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
76	LK 192	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
77	LK 193	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
78	LK 194	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
79	LK 195	100,00	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	25.000.000
80	LK 196	98,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	28.750.000
TỔNG CỘNG		**8.049,45**		

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao phòng Kinh tế xã căn cứ giá khởi điểm được duyệt phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng theo đúng quy định của pháp luật;

- Thời điểm áp dụng giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 241 suất đất tại Khu dân cư mới, xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên là thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Giám đốc kho bạc Nhà nước khu vực IV tỉnh Hưng Yên; Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HOÀNG HOA THÁM T.HƯNG YÊN

Lã Anh Tuấn